

Số: /TM-TTYT

Hải Phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2026

V/v mời chào giá thẩm định gói thầu: Thuê dịch vụ triển khai hồ sơ bệnh án điện tử năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ THẨM ĐỊNH

Kính gửi: Các đơn vị có chức năng thẩm định giá.

Căn cứ tình hình nhu cầu thực tế của đơn vị, để có cơ sở xác định giá nhằm tổ chức xây dựng dự toán mua sắm theo đúng quy định của nhà nước, Trung tâm Y tế Hải Dương có nhu cầu thuê công ty, tổ chức có năng lực, đủ điều kiện thẩm định giá dịch vụ công nghệ thông tin để triển khai gói thầu: Thuê dịch vụ triển khai hồ sơ bệnh án điện tử năm 2026 của Trung tâm Y tế Hải Dương.

1.Thông tin chung:

Tên gói thầu: Thuê dịch vụ triển khai hồ sơ bệnh án điện tử năm 2026.

-Đơn vị mua sắm: Trung tâm Y tế Hải Dương

-Địa điểm thực hiện: Trung tâm Y tế Hải Dương

- Địa chỉ: Số 71, phố Nguyễn Chí Thanh, phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng.

Tổ chức lập kế hoạch: Phòng Tài Chính - Kế Toán

Nguồn vốn: Nguồn ngân sách nhà nước; Nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

+Nội dung thẩm định gói thầu: Thuê dịch vụ Phần mềm HIS-LIS, PACS, EMR; hạng tầng Cloud Server cài đặt phần mềm HIS - LIS; EMR; Hạ tầng máy chủ đặt tại đơn vị để cài đặt phần mềm PACS.

2.Nội dung yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Hải Dương

- Nhận báo giá trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Tài Chính - Kế toán - Trung tâm Y tế Hải Dương; Số điện thoại: 0983728298;

- Bản mềm tại địa chỉ: ninhythd@gmail.com.

3. Hồ sơ năng lực gồm:

+ Hồ sơ pháp lý của đơn vị tổ chức. doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá

+ Bản mô tả năng lực, kinh nghiệm;

+ Biểu phí chào giá gói thầu: Thuê dịch vụ Phần mềm HIS-LIS, PACS, EMR; hạng tầng Cloud Server cài đặt phần mềm HIS - LIS; EMR; Hạ tầng máy chủ đặt tại

đơn vị để cài đặt phần mềm PACS. (Đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí liên quan).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 19 tháng 03 năm 2026 đến trước 16h30 ngày 24 tháng 03 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ báo giá

6. Danh mục dịch vụ CNTT đề nghị thẩm định giá: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Trung tâm Y tế Hải Dương cảm ơn sự quan tâm hợp tác của quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Trung tâm
- Lưu VT, TC-KT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đăng Hòa

**Chi tiết theo phụ lục đính kèm:
DANH MỤC DỊCH VỤ, CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
YÊU CẦU THẨM ĐỊNH**

I. DANH MỤC DỊCH VỤ:

STT	Danh mục sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Thời gian thuê
1	Phần mềm HIS-LIS, PACS, EMR	tháng	60
2	Hạ tầng Cloud Server cài đặt phần mềm HIS-LIS, EMR	tháng	60
3	Hạ tầng máy chủ đặt tại đơn vị để cài đặt phần mềm PACS	tháng	60

II. PHẦN MỀM HIS-LIS, PACS, EMR

1. Danh mục chức năng:

a) Hệ thống thông tin bệnh viện HIS

STT	Yêu cầu chức năng
1	Quản trị hệ thống (Quản lý người dùng, quản lý cấu hình)
2	Quản lý danh mục dùng chung
3	Tiếp nhận đăng ký khám bệnh, chữa bệnh
4	Quản lý khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú
5	Quản lý dược (vật tư)
6	Quản lý viện phí và thanh toán BHYT
7	Kết nối với BHXH thanh quyết toán BHYT (tập tin XML)
8	Quản lý chỉ định lâm sàng, cận lâm sàng
9	Quản lý kết quả cận lâm sàng
10	Quản lý điều trị nội trú
11	Quản lý phòng bệnh, giường bệnh
12	Quản lý suất ăn cho bệnh nhân
13	Báo cáo thống kê
14	Quản lý khám sức khỏe
15	Quản lý hàng đợi xếp hàng tự động
16	Quản lý hóa chất, vật tư tiêu hao
17	Quản lý trang thiết bị y tế
18	Kết nối với PACS cơ bản
19	Quản lý khoa/phòng cấp cứu
20	Quản lý lịch hẹn điều trị, nhắc lịch hẹn tái khám
21	Quản lý người bệnh bằng thẻ điện tử

b) Hệ thống thông tin xét nghiệm (LIS)

STT	Yêu cầu chức năng
1	Tiếp nhận bệnh nhân
2	Danh sách chờ lấy mẫu
3	Danh sách thực hiện
4	Kết quả
5	Quản lý kết nối máy xét nghiệm
6	Kết quả máy
7	Quản lý giao/nhận
8	Tìm kiếm, tra cứu
9	Thống kê báo cáo
10	Danh mục
11	Quản trị hệ thống
12	Tài khoản
13	Quản lý kho vật tư, hóa chất
14	Quản lý kho máu – ngân hàng máu
15	Quản lý thực hiện dịch vụ theo gói
16	Phân hệ phân quyền
17	Quản lý xét nghiệm vi sinh
18	Chức năng huyết học đồ
19	Phân hệ quản lý chất lượng
20	Phân hệ ngoại kiểm
21	Phân hệ nội kiểm
22	Phân hệ cổng thông tin
23	Tra cứu kết quả thông qua SMS Brandname
24	Tích hợp chữ ký số
25	Quản lý mẫu xét nghiệm
26	Số hóa hồ sơ bệnh án
27	Giao tiếp máy xét nghiệm theo chuẩn HL7
28	Phân hệ vi sinh – kháng sinh đồ
29	Phân hệ xét nghiệm dịch
30	Phân hệ xét nghiệm đờm
31	Phân hệ xét nghiệm tế bào học
32	Kết xuất dữ liệu chuẩn HL7
33	Quản lý danh sách gửi HIS

c) Hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (RIS-PACS)

STT	Yêu cầu chức năng
1	Quản trị hệ thống
2	Cấu hình quản lý máy chủ PACS
3	Cấu hình quản lý máy trạm PACS
4	Quản lý thông tin chỉ định
5	Quản lý danh sách bệnh nhân được chỉ định
6	Giao diện kết nối (Interface) 2 chiều với các thiết bị chẩn đoán hình ảnh thông dụng (CT, MRI, X-quang, DSA, siêu âm)
7	Interface kết nối, liên thông với HIS: - RIS nhận thông tin chỉ định từ HIS, RIS chuyển thông tin chỉ định vào máy chẩn đoán hình ảnh theo tiêu chuẩn HL7; - PACS nhận hình bệnh lý đã được xử lý từ trạm xử lý (workstation) của bác sĩ; - PACS chuyển đổi hình bệnh lý từ định dạng DICOM sang định dạng JPEG và chuyển cho hệ thống RIS, RIS chuyển trả hình bệnh lý định dạng JPEG cho hệ thống HIS lưu trữ nhằm hoàn thiện hồ sơ bệnh án; - Liên thông hai chiều báo cáo chẩn đoán hình ảnh của bệnh nhân giữa PACS và HIS (tức là nếu có thay đổi bên PACS thì HIS cũng nhận được và ngược lại)
8	Quản lý kết quả chẩn đoán hình ảnh
9	Hỗ trợ tiêu chuẩn HL7 bản tin, DICOM
10	Chức năng đo lường
11	Chức năng xử lý hình ảnh 2D
12	Chức năng xử lý hình ảnh 3D
13	Kết xuất hình ảnh DICOM ra đĩa CD/DVD cùng với phần mềm xem ảnh DICOM hoặc cung cấp đường dẫn truy cập hình ảnh trên web
14	Kết xuất báo cáo thống kê
15	Chức năng biên tập và xử lý hình ảnh DICOM
16	Chức năng nén ảnh theo giải thuật JPEG2000
17	Hỗ trợ xem ảnh DICOM qua WebView
18	Hỗ trợ hội chẩn nhiều điểm cầu (multi-site) chẩn đoán hình ảnh qua mạng (hỗ trợ các thiết bị di động như điện thoại thông minh, máy tính bảng)

d) Hệ thống Bệnh án điện tử (EMR)

STT	Yêu cầu chức năng
I	Tiếp nhận thông tin bệnh án
II	Ký số file XML các HSBA
III	Xem các file xml dạng report trên hệ thống
IV	Phân hệ chức năng quản trị
V	Ký duyệt lãnh đạo HSBA
VI	Khai thác dữ liệu HSBA
VII	Quản trị hệ thống
VIII	Quản lý danh mục

III. HẠ TẦNG CLOUD SERVER CÀI ĐẶT PHẦN MỀM HIS-LIS, EMR

Hạng mục	Danh mục dịch vụ	Số lượng	ĐVT	Thông số cấu hình	
Hạ tầng Cloud Server cài đặt phần mềm HIS-LIS,EMR	Server phục vụ hệ thống HIS-LIS,EMR	2	Máy chủ	+ vCPU (core)	16
				+ RAM (GB)	64
				+ Lưu trữ SSD (GB)	300
				+ Lưu trữ HDD (GB)	500
				+ Bản quyền hệ điều hành phục vụ hệ thống HIS-LIS,EMR (nếu có)	
	Dịch vụ An toàn thông tin	1	Gói	Dịch vụ An toàn thông tin: - Dịch vụ phòng chống mã độc cho các máy chủ. - Dịch vụ tường lửa cho máy chủ, ứng dụng	

IV. HẠ TẦNG MÁY CHỦ ĐẶT TẠI ĐƠN VỊ ĐỂ CÀI ĐẶT PHẦN MỀM PACS

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	<p>Máy chủ (Server): 2U Drive Bays: Up to 8 x 3.5-inch SAS/SATA/NVMe (HDD/SSD) Processor: 2 x Intel Xeon Silver 4510 2.4G, 12C/24T, 16GT/s, 30M Cache, Turbo, HT (150W) DDR5-4400 Memory: 2 x 64 GB - 2Rx8 DDR5 RDIMM 5600 MT/s SSD: 4 x 1.92TB SSD SATA 6Gbps 512e 2.5in Hot-Plug Storage controllers: 12Gb/s SAS/SATA, 8GB NV Cache RAID: Hỗ trợ đa dạng các mức RAID: 0, 1, 5, 6, 10, 50, 60 Network: 2 x 1 GbE Ports: 1 x USB 2.0, 1 x VGA Internal Ports: 1 x USB 3.0 Power Supply Fully Redundant (1+1): 800W, Mixed Mode Operating System and Hypervisor: Microsoft Windows Server with Hyper-V, Red Hat Enterprise Linux, SUSE Linux Enterprise Server, VMware ESXi, Canonical Ubuntu Server LTS Security: Cryptographically signed firmware, Data at Rest Encryption (SEDs with local or external key mgmt), Secure Boot, Secure Erase, Secured Component Verification (Hardware integrity check), Silicon Root of Trust Jumper Cord: C13/C14, 4M, 250V, 10A Phần mềm bản quyền: Hệ điều hành; Cơ sở dữ liệu phục vụ hệ thống PASC</p>	Chiếc	01

2	<p>Thiết bị lưu trữ (NAS): 1U CPU: Marvell OCTEON TX2 CN9130/CN9131 ARMv8 Cortex-A72 4-core 2.2GHz processor Flash Memory: 4GB (Dual boot OS protection) System Memory: 4 GB SODIMM DDR4 (1 x 4GB) Drive Bay HDD: 4 x 20TB Enterprise 3.5inch 7.2K SATA 6Gb/s 3.5-inch SATA 6Gb/s, 3Gb/s Lan: 2 (2.5G/1G/100M); 2 x 10GbE SFP+ USB 3.2 Gen 1 port: 2 Form Factor: 1U Short Depth Rackmount Power Supply Unit: 100W PSU, 100-240V Operating System: QTS 5.2.8 RAID Type: 0, 1, 5, 6, 10, 50, 60</p>	Chiếc	01
3	<p>Thiết bị tường lửa (Firewall): 1U Interfaces: 8*1G Base-T; 2*1GSFP ; 2*10GSFP+ Console Port:1 USB Port: 1 Throughput (IPS): 2.6 Gbps Throughput (APP+AV+IPS): 1 Gbps Concurrent Connection:1.5M New TCP Connection/Sec: 50K License: 05 year</p>	Chiếc	01
4	<p>Thiết bị chuyển mạch (Swich): 1U RAM: 512 MB Flash memory: 256 MB Forwarding rate: 96 Mpps Switching capacity: 128 Gbps(bit/s) Total number of optical ports: 28 (including eight combo ports) 100/1000M Maximum number of VLANs: 4094. Maximum number of MAC address entries: 16.000 SFP: MINI-GBIC-LX-SM1310 Ethernet GE 1000Base-SX</p>		01

5	Thiết bị định tuyến (Router): 1U CPU: AL32400 1.7 GHz RAM :4GB Storage: 128 MB NAND Ethernet: 1G: 16 SFP+ 10G: 2 USB ports: 1 AC input range:100-240 V Certification: CE, FCC, IC Nguồn DC: (DC jack, 2-pin terminal): 2	Chiếc	01
6	Tủ mạng: 42UD1000 Kích thước: H2050*W600*D1000 Chuẩn Rack: 19 inch Khung tủ:1.8mm. Cửa trước là cửa cánh lưới, có khóa an toàn Cửa sau là cửa cánh tôn, có khóa an toàn Quạt thông gió mỗi quạt công suất 24W: 02 Ổ cắm 6 châu: 01 Bánh xe điều hướng: 04 Chân tăng cố định:04	Chiếc	01

